Mô hình Use case Chuỗi rạp chiếu phim Kubo

Version 1.1

Sinh viên thực hiện:

1612334 – Nguyễn Lê Thị Mỹ Linh

162367 – Trần Thị Lý

**Bảng ghi nhận thay đổi tài liệu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Mô tả** | **Người thay đổi** |
| 30/03/2019 | 1.0 | Tài liệu mô hình và đặc tả usecase | Nguyễn Lê Thị Mỹ Linh  Trần Thị Lý |
| 31/03/2019 | 1.1 | Tài liệu mô hình và đặc tả usecase (đã format) | Trần Thị Lý |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Mục lục

[**1.** **Sơ đồ Use-case** 3](#_Toc4921390)

[**2.** **Danh sách các Actor** 4](#_Toc4921391)

[**3.** **Danh sách các Use-case** 4](#_Toc4921392)

[**4.** **Đặc tả Use-case** 5](#_Toc4921393)

[**4.1.** **Đặc tả Use-case *“Đăng ký”*** 5](#_Toc4921394)

[**4.2.** **Đặc tả Use-case “Đăng nhập”** 6](#_Toc4921395)

[**4.3.** **Đặc tả Use-case “Tra cứu lịch chiếu phim của một chi nhánh”** 7](#_Toc4921396)

[**4.4.** **Đặc tả Use-case “Quản lý lịch chiếu phim”** 7](#_Toc4921397)

[**4.5.** **Đặc tả Use-case “Xem lịch sử chiếu phim”** 9](#_Toc4921398)

[**4.6.** **Đặc tả Use-case “Xem báo cáo doanh thu một chi nhánh”** 9](#_Toc4921399)

[**4.7.** **Đặc tả Use-case “Tra cứu phim”** 10](#_Toc4921400)

[**4.8.** **Đặc tả Use-case “Quản lý phim”** 11](#_Toc4921401)

[**4.9.** **Đặc tả Use-case “Quản lý chi nhánh”** 12](#_Toc4921402)

[**4.10.** **Đặc tả Use-case “Quản lý ưu đãi”** 13](#_Toc4921403)

[**4.11.** **Đặc tả Use-case “Xem báo cáo doanh”** 14](#_Toc4921404)

[**4.12.** **Đặc tả Use-case “Tra cứu lịch chiếu phim”** 14](#_Toc4921405)

[**4.13.** **Đặc tả Use-case “Tra cứu chi nhánh của rạp chiếu phim”** 15](#_Toc4921406)

[**4.14.** **Đặc tả Use-case “Đánh giá bộ phim”** 16](#_Toc4921407)

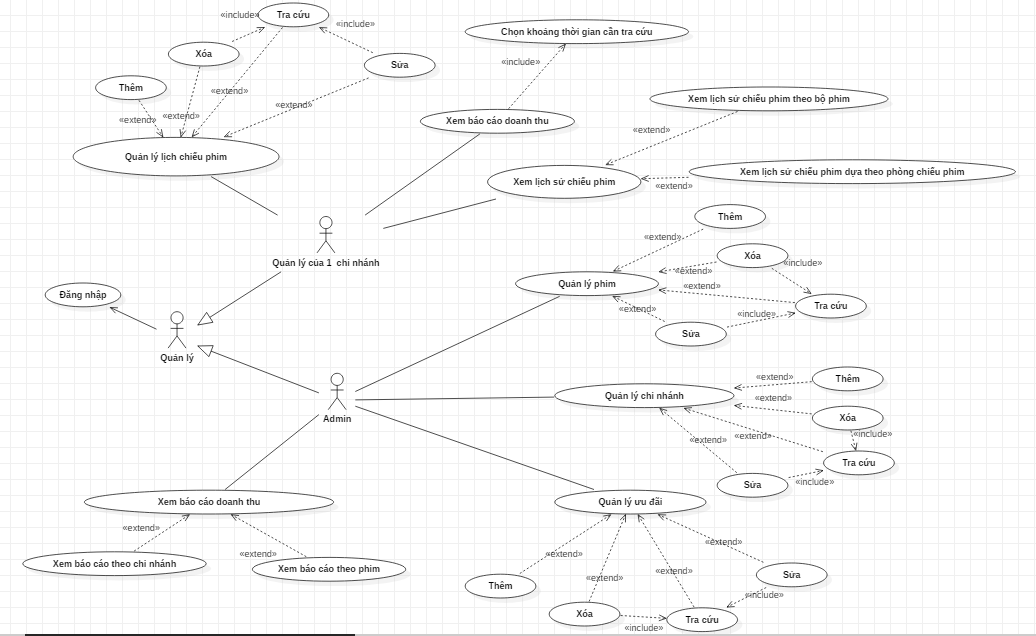
[**4.15.** **Đặc tả Use-case “Đặt vé”** 17](#_Toc4921408)

[**4.16.** **Đặc tả Use-case “Xem danh sách phim”** 18](#_Toc4921409)

[**4.17.** **Đặc tả Use-case “Lưu phim”** 18](#_Toc4921410)

[**4.18.** **Đặc tả Use-case “Lưu rạp chiếu phim”** 19](#_Toc4921411)

1. **Sơ đồ Use-case**



1. Sơ đồ use-case



1. Sơ đồ use-case
2. **Danh sách các Actor**

| **STT** | **Tên Actor** | **Ý nghĩa/Ghi chú** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Khách hàng | Là những người muốn đặt vé xem phim online mà không cần đến rạp chiếu phim, những người muốn tra cứu lịch chiếu phim của một rạp nào đó trong chi nhánh của rạp. |
| 2 | Khách hàng đã đăng nhập | Là những khách hàng đã đăng nhập vào trang web, có thể đặt vé, đánh giá bộ phim,.. |
| 3 | Quản lý | Là những người làm quản lý, chưa đăng nhập. |
| 4 | Quản lý 1 chi nhánh | Là người quản lý một chi nhánh, đã đăng nhập. |
| 5 | Admin | Là admin (người quản lý lớn nhất của hệ thống), đã đăng nhập. |

1. **Danh sách các Use-case**

| **STT** | **Tên Use-case** | **Ý nghĩa/Ghi chú** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Đăng ký | Đăng ký tài khoản |
| 2 | Đăng nhập | Đăng nhập vào hệ thống |
| 3 | Tra cứu lịch chiếu phim của một chi nhánh | Người quản lý chi được sử dụng use-case này.  Use-case cho phép user tra cứu lịch chiếu phim cụ thể của một chi nhánh theo ngày (bao gồm các thông tin: thời gian chiếu, phim được chiếu, tại phòng chiếu nào, số vé cho bộ phim đó). |
| 4 | Quản lý lịch chiếu phim | Người quản lý chi nhánh được sử dụng use-case này.  Use-case cho phép thêm, xóa, sửa, tra cứu lịch chiếu phim. |
| 5 | Xem lịch sử chiếu | Người quản lý chi nhánh được sử dụng use-case này.  Use-case cho phép xem lịch sử một chi nhánh theo từng ngày hoặc theo từng bộ phim. |
| 6 | Xem báo cáo doanh thu một chi nhánh | Người quản lý chi nhánh được sử dụng use-case này.  Use-case cho phép xem lịch sử chiếu của một bộ phim cụ thể trong một chi nhánh. |
| 7 | Tra cứu phim | Người quản lý chi nhánh và admin được sử dụng use-case này.  Use-case cho phép tra cứu phim theo tên phim và tên đạo diễn. |
| 8 | Quản lý phim | Admin được sử dụng use-case này.  Use-case cho phép thêm, xóa, sửa phim. |
| 9 | Quản lý chi nhánh | Admin được sử dụng use-case này.  Use-case cho phép thêm, xóa, sửa, tra cứu thông tin chi nhánh. |
| 10 | Quản lý ưu đãi | Admin được sử dụng use-case này.  Use-case cho phép thêm, xóa, sửa, tra cứu ưu đãi. |
| 11 | Xem báo cáo doanh thu theo chi nhánh | Admin được sử dụng use-case này.  Use-case cho phép admin xem được báo cáo danh thu dựa theo số lượng vé được bán ra của mỗi chi nhánh hoặc theo bộ phim. |
| 12 | Tra cứu lịch chiếu phim | Giúp khách hàng có thể tìm kiếm một cách nhanh chóng các thông tin về bộ phim mà họ muốn xem, tiết kiếm thời gian |
| 13 | Tra cứu chi nhánh của rạp chiếu phim | Use-case giúp khách hàng có thể tìm kiếm các chi nhánh của rạp để xác định rạp nào gần nơi họ đang sống để họ có thể đi xem phim một cách dễ dàng. |
| 14 | Đánh giá bộ phim | Nơi giúp khách hàng nêu lên suy nghĩ, cảm nhận về bộ phim |
| 15 | Đặt vé | Use case giúp khách hàng có thể đặt vé một cách nhanh chóng qua mà không cần phải đến rạp chiếu phim đặt. |
| 16 | Xem danh sách phim | Use case giúp khách hàng có thể nắm được danh sách các bộ phim sắp chiếu và các bộ phim đang chiếu. Giúp khách hàng dễ dàng theo dõi danh sách phim. |
| 17 | Lưu phim | Use case giúp khách hàng đã đăng nhập có thể lưu trữ lại các bộ phim mà họ thích. Danh sách phim được lưu trong mục “phim của tôi”. |
| 18 | Lưu rạp chiếu phim | Use case giúp khách hàng đã đăng nhập có thể lưu trữ lại các rạp phim mà họ thích, những rạp chiếu phim gần họ. Danh sách rạp chiếu phim được lưu trong mục “rạp chiếu phim của tôi”. |

1. **Đặc tả Use-case** 
   1. **Đặc tả Use-case *“Đăng ký”***
      1. **Tóm tắt**

* *Tất cả các user có thể sử dụng use-case này.*
* *Use-case giúp actor tạo tài khoản mới bằng email hoặc số điện thoại.*
  + 1. **Dòng sự kiện**
       1. **Dòng sự kiện chính**
          1. *Use-case bắt đầu từ khi actor nhấn nút đăng ký.*
          2. *Actor nhập đầy đủ thông tin cần thiết.*
          3. *Nhấn “Đăng ký”*
          4. *Hệ thống gửi mã xác thực qua email hoặc số điện thoại mà người dùng cung cấp.*
          5. *Actor nhập mã xác thực.*
          6. *Hệ thống kiểm tra, nếu đúng: thông báo đăng ký thành công và điều hướng về trang đăng nhập.*
       2. **Các dòng sự kiện khác**
* *Nếu nhập thông tin không hợp hệ, hệ thống sẽ thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại.*
* *Nếu mã xác thực không hợp hệ, actor có thể nhập lại hoặc yêu cầu gửi mã xác thực khác.*
  + 1. **Các yêu cầu đặc biệt**
* *Không có*
  + 1. **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case**
* *Không có*
  + 1. **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case**
* *Cơ sở dữ liệu được thêm dữ liệu mới.*
  + 1. **Điểm mở rộng**
* *Không có*
  1. **Đặc tả Use-case “Đăng nhập”**
     1. **Tóm tắt**
* *Các user đã có tài khoản có thể sử dụng use-case này.*
  + 1. **Dòng sự kiện**
       1. **Dòng sự kiện chính**
          1. *Use-case bắt đầu từ khi actor nhấn nút đăng nhập.*
          2. *Actor nhập email hoặc số điện thoại đã đăng ký.*
          3. *Nhấn “Đăng nhập”*
          4. *Hệ thống thông báo đăng nhập thành công.*
       2. **Các dòng sự kiện khác**
* *Nếu nhập thông tin đăng nhập không hợp hệ, hệ thống sẽ thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại.*
  + 1. **Các yêu cầu đặc biệt**
* *Không có*
  + 1. **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case**
* *Không có*
  + 1. **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case**
* *Website ghi nhận tình trạng đăng nhập của user để thực hiện các giao dịch và lưu dữ liệu vào tài khoản user này khi cần thiết.*
  + 1. **Điểm mở rộng**
* *Không có*
  1. **Đặc tả Use-case “Tra cứu lịch chiếu phim của một chi nhánh”**
     1. **Tóm tắt**
* *Người quản lý chi được sử dụng use-case này.*
* *Use-case cho phép user tra cứu lịch chiếu phim cụ thể của một chi nhánh theo ngày (bao gồm các thông tin: thời gian chiếu, phim được chiếu, tại phòng chiếu nào, số vé cho bộ phim đó).*
  + 1. **Dòng sự kiện**
       1. **Dòng sự kiện chính**
          1. *Use-case bắt đầu khi user chọn nút “tra cứu lịch chiếu”.*
          2. *Actor chọn ngày cần xem lịch chiếu.*
          3. *Lịch chiếu phim sẽ được hiện ra*
       2. **Các dòng sự kiện khác**
          1. *Nếu actor không chọn ngày chiếu, mặc định ngày là ngày hiện tại theo hệ thống.*
          2. *Nếu ngày actor chọn không có lịch chiếu, hiển thị trên màn hình dòng chữ “Không có bộ phim nào được chiếu trong ngày dd/mm/yyyy”.*
    2. **Các yêu cầu đặc biệt**
* *Không có.*
  + 1. **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case**
* *Actor phải đăng nhập thành công bằng tài khoản của người quản lý.*
  + 1. **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case**
* *Kết quả tra cứu được hiển thị trên màn hình, hệ thống không thay đổi.*
  + 1. **Điểm mở rộng**
* *Extend các use-case xóa, sửa*
  1. **Đặc tả Use-case “Quản lý lịch chiếu phim”**
     1. **Tóm tắt**
* *Người quản lý chi nhánh được sử dụng use-case này.*
* *Use-case cho phép thêm, xóa, sửa, tra cứu lịch chiếu phim.*
  + 1. **Dòng sự kiện**
       1. **Dòng sự kiện chính**
          1. *Use-case bắt đầu khi người dùng chọn “Quản lý lịch chiếu phim”*
          2. *Actor chọn ngày cần quản lý lịch chiếu.*
          3. *Kết quả các bộ phim được chiếu trong ngày đã chọn được hiển thị trên màn hình. Hệ thống yêu cầu actor chọn chức năng muốn thực hiện. Nếu chọn “Thêm”, luồng sự kiện “Thêm lịch chiếu” được thực hiện. Nếu chọn “Tra cứu”, luồng sự kiện “Tra cứu” được thực hiện, trong luồng sự kiện “tra cứu”, actor có thể xóa hoặc sửa.*
          4. *Thêm lịch chiếu*
* *Chỉ thêm lịch chiếu của một bộ phim trong mỗi lần thêm.*
* *Actor nhập đầy đủ thông tin của bộ phim được chiếu.*
* *Bầm “Thêm”*
* *Hệ thống thông báo “Thêm thành công”*
  + - * 1. *Tra cứu*
* *Actor nhập thông tin từ khóa theo tên của bộ phim vào ô tìm kiếm.*
* *Kết quả các bộ phim có trong lịch chiếu được hiển thị lên.*
* *Nếu actor bấm vào nút “xóa” bên cạnh bộ phim, hệ thống xác nhận xóa và thông báo xóa thành công.*
* *Nếu actor bấm vào nút “sửa” bên cạnh bộ phim, hệ thống yêu cầu nhập thông tin cần chỉnh sửa (những thông tin được chỉnh sửa: thời gian chiếu, số vé bán ra, phòng chiếu). Hệ thống thông báo sửa thành công.*
  + - 1. **Các dòng sự kiện khác**
         1. *Thêm lịch chiếu*
* *Nếu lịch chiếu của bộ phim mới được thêm bị trùng phòng chiếu phim tại thời điểm đó thì hệ thống phải thông báo và không cho thêm.*
  + - * 1. *Xóa bộ phim khỏi lịch chiếu*
* *Nếu vé của phim đã được bán thì không được phép xóa, hệ thống phải thông báo lỗi*
  + - * 1. *Sửa lịch chiếu*
* *Nếu vé của phim đã được bán thì không được phép sửa, hệ thống phải thông báo lỗi*
  + 1. **Các yêu cầu đặc biệt**
* *Không có*
  + 1. **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case**
* *Actor phải đăng nhập thành công bằng tài khoản của người quản lý.*
  + 1. **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case**
* *Nếu thực hiện thành công, dữ liệu sẽ bị thay đổi.*
  + 1. **Điểm mở rộng**
* *Không có*
  1. **Đặc tả Use-case “Xem lịch sử chiếu phim”**
     1. **Tóm tắt**
* *Người quản lý chi nhánh được sử dụng use-case này.*

*Use-case cho phép xem lịch sử một chi nhánh theo từng ngày hoặc theo từng bộ phim*

* + 1. **Dòng sự kiện**
       1. **Dòng sự kiện chính**
          1. *Use-case bắt đầu khi người dùng chọn “Lịch sử chiếu phim”*
          2. *Lịch sử chiếu phim theo ngày sẽ được hiện ra. Ừng với mỗi ngày, sẽ hiển thị thời gian, tổng bộ phim được chiếu, những bộ phim được chiếu và số lần của từng bộ phim.*
          3. *Nếu người dùng chọn xem lịch sử theo bộ phim, lịch sử của từng bộ phim sẽ hiện ra. Thông tin về lịch sử của từng bộ phim bao gồm: thời gian được chiếu (ngày, giờ), phòng được chiếu.*
       2. **Các dòng sự kiện khác**
* *Actor có thể click chọn một phim cụ thể để xem lịch sử chi tiết của phim đó.*
  + 1. **Các yêu cầu đặc biệt**
* *Không có*
  + 1. **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case**
* *Actor phải đăng nhập thành công bằng tài khoản của người quản lý.*
  + 1. **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case**
* *Hệ thống không thay đổi*
  + 1. **Điểm mở rộng**
* *Không có*
  1. **Đặc tả Use-case “Xem báo cáo doanh thu một chi nhánh”**
     1. **Tóm tắt**
* *Người quản lý chi nhánh được sử dụng use-case này.*
* *Use-case cho phép xem lịch sử chiếu của một bộ phim cụ thể trong một chi nhánh.*
  + 1. **Dòng sự kiện**
       1. **Dòng sự kiện chính**
          1. *Use-case bắt đầu khi người dùng chọn “Báo cáo doanh thu”*
          2. *Biểu đồ báo cáo doanh thu trong tháng hiện tại (theo thời gian của hệ thống) sẽ được hiện ra. Biểu đồ này được vẽ dựa trên số vé được bán ra theo ngày.*
       2. **Các dòng sự kiện khác**
* *Actor có thể xem báo cáo doanh thu của những tháng khác hoặc theo năm.*

*Nếu actor rê chuột vào từng mục để xem chi tiết, tổng số lượng vé và số vé đã bán sẽ hiện lên cho người dùng xem.*

* + 1. **Các yêu cầu đặc biệt**
* *Không có*
  + 1. **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case**
* *Actor phải đăng nhập thành công bằng tài khoản của người quản lý.*
  + 1. **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case**
* *Hệ thống không thay đổi*
  + 1. **Điểm mở rộng**
* *Không có*
  1. **Đặc tả Use-case “Tra cứu phim”**
     1. **Tóm tắt**
* *Người quản lý chi nhánh và admin được sử dụng use-case này.*
* *Use-case cho phép tra cứu phim theo tên phim và tên đạo diễn.*
  + 1. **Dòng sự kiện**
       1. **Dòng sự kiện chính**
          1. *Use-case bắt đầu khi người dùng gõ từ khóa vào ô tìm kiếm phim và bấm tra cứu.*
          2. *Thông tin các bộ phim sẽ hiện ra.*
       2. **Các dòng sự kiện khác**
* *Không có*
  + 1. **Các yêu cầu đặc biệt**
* *Không có*
  + 1. **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case**
* *Actor phải đăng nhập thành công bằng tài khoản của người quản lý hoặc admin.*
  + 1. **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case**
* *Hệ thống không thay đổi*
  + 1. **Điểm mở rộng**
* *Extend use-case “Quản lý phim”*
  1. **Đặc tả Use-case “Quản lý phim”**
     1. **Tóm tắt**
* *Admin được sử dụng use-case này.*
* *Use-case cho phép thêm, xóa, sửa phim.*
  + 1. **Dòng sự kiện**
       1. **Dòng sự kiện chính**
          1. *Use-case bắt đầu khi người dùng chọn “Quản lý phim”.*
          2. *Thông tin về các bộ phim đã có được hiện màn hình.*
          3. *Actor có thể tra cứu bộ phim trước khi thực hiện dòng sự kiện tiếp theo. Nếu actor chọn “Thêm mới”, dòng sự kiện “Thêm phim mới” được thực hiện. Nếu actor chọn nút “Sửa” bên cạnh bộ phim được chọn, dòng sự kiện “Sửa phim” được thực hiện. Nếu actor chọn nút “Xóa” bên cạnh bộ phim được chọn, dòng sự kiện “Xóa phim” được thực hiện.*
          4. *Thêm phim mới: Actor nhập thông tin đầy đủ của một phim và chọn nút “Thêm”.*
          5. *Sửa phim: Actor sửa thông tin phim và bấm “Lưu”*
          6. *Xóa phim: Hệ thống xác nhận actor muốn xóa và xóa phim.*
          7. *Hệ thống thông báo thêm/ xóa/ sửa thành công.*
       2. **Các dòng sự kiện khác**
          1. *Thêm phim mới: Nếu actor nhập thông tin phim mới không hợp lệ, hệ thống phải thông báo lỗi. Nếu đã tồn tại phim với tên phim và tên đạo diễn tương ứng trong cơ sở dữ liệu, hệ thống cũng thông báo và không cho phép thêm.*
          2. *Xóa phim: Nếu phim có trong lịch chiếu phim sắp tới và vé xem phim ứng với lịch chiếu này đã được bán thì hệ thống sẽ thông báo lỗi và không cho xóa.*
    2. **Các yêu cầu đặc biệt**
* *Không có*
  + 1. **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case**
* *Actor phải đăng nhập thành công bằng tài khoản của admin.*
  + 1. **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case**
* *Nếu thành công, cơ sở dữ liệu sẽ thay đổi.*
  + 1. **Điểm mở rộng**
* *Extend use-case “tra cứu phim”*
  1. **Đặc tả Use-case “Quản lý chi nhánh”**
     1. **Tóm tắt**
* *Admin được sử dụng use-case này.*
* *Use-case cho phép thêm, xóa, sửa, tra cứu thông tin chi nhánh.*
  + 1. **Dòng sự kiện**
       1. **Dòng sự kiện chính**
          1. *Use-case bắt đầu khi người dùng chọn “Quản lý chi nhánh”.*
          2. *Thông tin về các chi nhánh đã có được hiện màn hình.*
          3. *Actor có thể tra cứu chi nhánh trước khi thực hiện dòng sự kiện tiếp theo. Nếu actor chọn “Thêm mới”, dòng sự kiện “Thêm chi nhánh mới” được thực hiện. Nếu actor chọn nút “Sửa” bên cạnh chi nhánh được chọn, dòng sự kiện “Sửa chi nhánh” được thực hiện. Nếu actor chọn nút “Xóa” bên cạnh chi nhánh được chọn, dòng sự kiện “Xóa chi nhánh” được thực hiện.*
          4. *Thêm chi nhánh mới: Actor nhập thông tin đầy đủ của một chi nhánh và chọn nút “Thêm”.*
          5. *Sửa chi nhánh: Actor sửa thông tin chi nhánh và bấm “Lưu”*
          6. *Xóa chi nhánh: Hệ thống xác nhận actor muốn xóa và xóa chi nhánh.*
          7. *Hệ thống thông báo thêm/ xóa/ sửa thành công.*
       2. **Các dòng sự kiện khác**
          1. *Thêm chi nhánh mới: Nếu actor nhập thông tin chi nhánh mới không hợp lệ, hệ thống phải thông báo lỗi. Nếu đã tồn tại chi nhánh với địa chỉ vừa nhập, hệ thống sẽ thông báo và không cho phép thêm.*
          2. *Xóa chi nhánh: Nếu chi nhánh có lịch chiếu phim sắp hoặc đang được chiếu mà vé bán ra đã có khách hàng mua thì hệ thống sẽ thông báo lỗi và không cho xóa.*
    2. **Các yêu cầu đặc biệt**
* *Không có*
  + 1. **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case**
* *Actor phải đăng nhập thành công bằng tài khoản của admin.*
  + 1. **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case**
* *Nếu thành công, cơ sở dữ liệu sẽ thay đổi.*
  + 1. **Điểm mở rộng**
* *Không có*
  1. **Đặc tả Use-case “Quản lý ưu đãi”**
     1. **Tóm tắt**
* *Admin được sử dụng use-case này.*
* *Use-case cho phép thêm, xóa, sửa, tra cứu ưu đãi.*
  + 1. **Dòng sự kiện**
       1. **Dòng sự kiện chính**
          1. *Use-case bắt đầu khi người dùng chọn “Quản lý ưu đãi.”.*
          2. *Thông tin về các ưu đãi đã có được hiện màn hình.*
          3. *Actor có thể tra cứu ưu đãi trước khi thực hiện dòng sự kiện tiếp theo. Nếu actor chọn “Thêm mới”, dòng sự kiện “Thêm ưu đãi mới” được thực hiện. Nếu actor chọn nút “Sửa” bên cạnh ưu đãi được chọn, dòng sự kiện “Sửa ưu đãi” được thực hiện. Nếu actor chọn nút “Xóa” bên cạnh ưu đãi được chọn, dòng sự kiện “Xóa ưu đãi” được thực hiện.*
          4. *Thêm ưu đãi mới: Actor nhập thông tin đầy đủ của ưu đãi và chọn nút “Thêm”.*
          5. *Sửa ưu đãi: Actor sửa thông tin ưu đãi và bấm “Lưu”*
          6. *Xóa ưu đãi: Hệ thống xác nhận actor muốn xóa và xóa ưu đãi.*
          7. *Hệ thống thông báo thêm/ xóa/ sửa thành công.*
       2. **Các dòng sự kiện khác**
          1. *Thêm ưu đãi mới: Nếu thông tin ưu đãi không hợp lệ thì hệ thống phải thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại.*
          2. *Sửa ưu đãi: Hệ thống phải kiểm tra thông tin sau khi sửa nếu không hợp lệ thì phải thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại. Nếu sửa thành công, ưu đãi trước đó sẽ bị đánh dấu xóa.*
    2. **Các yêu cầu đặc biệt**
* *Không có*
  + 1. **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case**
* *Actor phải đăng nhập thành công bằng tài khoản của admin.*
  + 1. **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case**
* *Nếu thành công, cơ sở dữ liệu sẽ thay đổi.*
  + 1. **Điểm mở rộng**
* *Không có*
  1. **Đặc tả Use-case “Xem báo cáo doanh”**
     1. **Tóm tắt**
* *Admin được sử dụng use-case này.*
* *Use-case cho phép admin xem được báo cáo danh thu dựa theo số lượng vé được bán ra của mỗi chi nhánh hoặc theo bộ phim.*
  + 1. **Dòng sự kiện**
       1. **Dòng sự kiện chính**
          1. *Use-case bắt đầu khi người dùng chọn “Xem báo cáo”.*
          2. *Thống kê doanh thu theo chi nhánh: Biểu đồ doanh thu theo tháng hiện tại (theo thời gian của hệ thống) của các chi nhánh được hiện lên. Doanh thu này tính theo số lượng vé đã được bán trong tháng.*
          3. *Nếu actor chọn thống kê theo bộ phim: Bảng thống kê doanh thu theo từng bộ phim của tháng hiện tại (theo thời gian của hệ thống) được hiện lên.*
       2. **Các dòng sự kiện khác**
* *Actor có thể thay đổi thời gian thống kê (thay đổi tháng, năm) hoặc xem thống kê theo năm.*
  + 1. **Các yêu cầu đặc biệt**
* *Không có*
  + 1. **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case**
* *Actor phải đăng nhập thành công bằng tài khoản của admin.*
  + 1. **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case**
* *Không có*
  + 1. **Điểm mở rộng**
* *Không có*
  1. **Đặc tả Use-case “Tra cứu lịch chiếu phim”**
     1. **Tóm tắt**
* *Khách hàng muốn tra cứu lịch chiếu phim sử dụng use-case này.*
* *Use-case cho phép khách hàng tra cứu lịch chiếu phim, có thể tra cứu theo địa chỉ rạp chiếu phim, thời gian chiếu phim, tên phim, thể loại phim, độ tuổi và theo giá vé.*
* *Giúp khách hàng có thể tìm kiếm một cách nhanh chóng các thông tin về bộ phim mà họ muốn xem, tiết kiếm thời gian.*
  + 1. **Dòng sự kiện**
       1. **Dòng sự kiện chính**
          1. *Use-case bắt đầu khi khách hàng nhập dữ liệu vào thanh tra cứu lịch phim.*
          2. *Khách hàng nhấn nút ‘search’.*
          3. *Các bộ phim phù hợp với dữ liệu khách hàng nhập vào sẽ được hiện ra.*
       2. **Các dòng sự kiện khác**
          1. *Nếu khách hàng không nhập dữ liệu mà bấm nút seach sẽ thông báo cho khách hàng nhập dữ liệu vào.*
          2. *Nếu dữ liệu nhập vào không phù hợp thì kết quả tìm kiếm sẽ thông kết ‘Không tìm thấy nội dung phù hợp”.*
    2. **Các yêu cầu đặc biệt**
* *Không có.*
  + 1. **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case**
* *Hệ thống không bị ảnh hưởng*
  + 1. **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case**
* *Khi thực hiện thành công, hiển thị danh sách tìm kiếm lên màn hình, hệ thống không bị ảnh hương.*
* *Khi thực hiện Use-case thất bại, sẽ không hiển thị dữ liệu lên màn hình và sẽ thông báo “không tìm thấy nội dung phù hợp”, hệ thống không bị ảnh hưởng.*
  + 1. **Điểm mở rộng**
* *Extend các Use-case: Tra cứu theo tên phim, theo giá vé, theo địa chỉ rạp chiếu phim, theo thể loại phim, theo độ tuổi.*
  1. **Đặc tả Use-case “Tra cứu chi nhánh của rạp chiếu phim”**
     1. **Tóm tắt**
* *Khách hàng sử dụng use-case.*
* *Khách hàng sử dụng use-case để tìm kiếm tất cả các chi nhánh của rạp chiếu phim.*
* *Use-case giúp khách hàng có thể tìm kiếm các chi nhánh của rạp để xác định rạp nào gần nơi họ đang sống để họ có thể đi xem phim một cách dễ dàng.*
  + 1. **Dòng sự kiện**
       1. **Dòng sự kiện chính**
          1. *Use-case bắt đầu khi khách hàng nhấp nút “Tra cứu chi nhánh”.*
          2. *Khách hàng nhập tên tỉnh thành hoặc tên địa chỉ cần tra cứu.*
          3. *Thông tin về rạp chiếu phim sẽ hiện lên màn hình nếu rạp chiếu phim có chi nhánh tại địa chỉ mà khách hàng nhập.*
       2. **Các dòng sự kiện khác**
          1. *Nếu* *địa chỉ chi nhánh rạp chiếu phim không trùng khớp với địa chỉ khách hàng nhập vào thì sẽ có thông báo không tồn tại chi nhánh của rạp cho khách hàng biết.*
          2. *Nếu khách hàng nhấn nút Search mà không nhập dữ liệu thì sẽ có thông báo yêu cầu khách hàng nhập dữ liệu.*
    2. **Các yêu cầu đặc biệt**
* *Không có.*
  + 1. **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case**
* *Hệ thống không bị ảnh hưởng.*
  + 1. **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case**
* *Nếu dữ liệu nhập vào là đúng thì sẽ hiện thị thông tin của rạp nếu sai thì sẽ có thông báo cho khách hàng biết, hệ thống không bị ảnh hưởng.*
  + 1. **Điểm mở rộng**
* *Extend use-case tra cứu theo địa điểm.*
  1. **Đặc tả Use-case “Đánh giá bộ phim”**
     1. **Tóm tắt**
* *Use-case do khách hàng sử dụng*
* *Use dùng dùng để cho khách hàng đánh giá về bộ phim*
* *Nơi giúp khách hàng nêu lên suy nghĩ, cảm nhận về bộ phim.*
  + 1. **Dòng sự kiện**
       1. **Dòng sự kiện chính-**
          1. *Use case bắt đầu khi khách hàng nhập dữ liệu vào ô nhận xét và bình luận*
          2. *Khi khách hàng nhấn bình luận và đánh giá bằng sao thì nội dung bình luận sẽ được hiển thị phía dưới của bộ phim đó.*
       2. **Các dòng sự kiện khác**
* *Nếu dữ liệu rỗng thì khi khách hàng nhấn “bình luận” thì sẽ có thông báo cho khách hàng “Bạn cần nhập dữ liệu ” cho khách hàng biết.*
  + 1. **Các yêu cầu đặc biệt**
* *Khách hàng phải đăng nhập thành công vào trang web.*
* *Nếu chưa có tài khoản thì khách hàng phải đăng kí tài khoản thì mới được đánh giá bộ phim.*
  + 1. **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case**
* *Khách hàng phải đăng nhập thành công vào hệ thống hoặc nếu khách hàng chưa có tài khoản thì có thể đăng kí*
  + 1. **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case**
* *Khi khách hàng đăng nhập không thành công vào hệ thống thì usecase sẽ không được thực hiện. Nếu đăng nhập thành công và use case thực hiện thành công thì nội dung bình luận của khách hàng sẽ được lưu vào hệ thống.*
  + 1. **Điểm mở rộng**
* *Extend các usecase: Kiếm tra đánh giá trong MyKubo, đánh giá, review*
* *Kế thừa từ usecase: Khách hàng đã đăng nhập*
  1. **Đặc tả Use-case “Đặt vé”**
     1. **Tóm tắt**
* *Khách hàng sử dụng use-case.*
* *Use case để thực hiện chưa năng đặt vé xem phim online.*
* *Use case giúp khách hàng có thể đặt vé một cách nhanh chóng qua mà không cần phải đến rạp chiếu phim đặt.*
  + 1. **Dòng sự kiện**
       1. **Dòng sự kiện chính**
          1. *Use case bắt đầu khi khách hàng nhập nút đặt vé.*
          2. *Khách hàng hàng phải chọn chi nhánh để đặt vé và chọn chỗ ngồi.*
          3. *Khi khách hàng nhấn đặt vé thì có thể thanh toán online hoặc tới rạp để thanh thoán.*
       2. **Các dòng sự kiện khác**
* *Nếu khách hàng không chọn chi nhánh và chỗ ngồi thì sẽ không đặt được vé.*
* *Nếu đang đặt vé mà mạng bị lỗi thì sẽ có thông báo và không đặt được vé.*
  + 1. **Các yêu cầu đặc biệt**
* *Khách hàng đã đăng nhập thành công thì mới được đặt vé*
* *Nếu khách hàng chưa đăng nhập mà thực hiện use case đặt vé thì hệ thống sẽ yêu cầu người dùng đăng nhập, nếu khách hàng chưa có tài khoản thì phải đăng kí.*
  + 1. **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case**
* *Đăng nhập thành công vào hệ thống.*
  + 1. **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case**
* *Khi đặt vé thành công thì dữ liệu của khách hàng sẽ được lưu vào hệ thống.*
* *Nếu đặt vé không thành công hệ thống sẽ thông báo cho khách hàng biết.*
  + 1. **Điểm mở rộng**
* *Kế thừa usecase khách hàng đã đăng nhập.*
* *Khi đặt vé khách hàng có thể mua vé hoặc không, usecase mua vé extend từ usecase đặt vé và include từ use case chọn chi nhánh rạp, chọn chỗ ngồi.*
  1. **Đặc tả Use-case “Xem danh sách phim”** 
     1. **Tóm tắt**
* *Khách hàng sử dụng use case.*
* *Use case dùng để tra cứu danh sách phim đang chiếu hoặc sắp chiếu.*
* *Use case giúp khách hàng có thể nắm được danh sách các bộ phim sắp chiếu và các bộ phim đang chiếu. Giúp khách hàng dễ dàng theo dõi danh sách phim.*
  + 1. **Dòng sự kiện**
       1. **Dòng sự kiện chính**
          1. *Use case bắt đầu khi khách hàng nhấn nút xem danh sách phim.*
          2. *Khách hàng có thể chọn xem danh sách phim đang chiếu hoặc sắp chiếu.*
          3. *Khi đó sẽ hiện ra danh sách phim tương ứng*
       2. **Các dòng sự kiện khác**
* *Không có*
  + 1. **Các yêu cầu đặc biệt**
* *Không có*
  + 1. **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case**
* *Không bị ảnh hưởng*
  + 1. **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case**
* *Không bị ảnh hưởng*
  + 1. **Điểm mở rộng**
* *Extend use case: Xem phim sắp chiếu, xem phim đang chiếu*
  1. **Đặc tả Use-case “Lưu phim”**
     1. **Tóm tắt**
* *Khách hàng đã đăng nhập sử dụng use case.*
* *Use case dùng để lưu phim mà khách hàng thích*
* *Use case giúp khách hàng đã đăng nhập có thể lưu trữ lại các bộ phim mà họ thích. Danh sách phim được lưu trong mục “phim của tôi”.*
  + 1. **Dòng sự kiện**
       1. **Dòng sự kiện chính**
          1. *Use case bắt đầu khi khách hàng nhấn nút lưu phim.*
       2. **Các dòng sự kiện khác**
* *Không có*
  + 1. **Các yêu cầu đặc biệt**
* *Không có*
  + 1. **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case**
* *Không bị ảnh hưởng*
  + 1. **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case**
* *Hệ thống sẽ lưu dữ liệu của bộ phim nếu trong quá trình thực hiện không xảy ra lỗi.*
  + 1. **Điểm mở rộng**
* *Không có*
  1. **Đặc tả Use-case “Lưu rạp chiếu phim”**
     1. **Tóm tắt**
* *Khách hàng đã đăng nhập sử dụng use case.*
* *Use case dùng để lưu rạp phim mà khách hàng thích*
* *Use case giúp khách hàng đã đăng nhập có thể lưu trữ lại các rạp phim mà họ thích, những rạp chiếu phim gần họ. Danh sách rạp chiếu phim được lưu trong mục “rạp chiếu phim của tôi”.*
  + 1. **Dòng sự kiện**
       1. **Dòng sự kiện chính**
          1. *Use case bắt đầu khi khách hàng nhấn nút lưu rạp chiếu phim.*
       2. **Các dòng sự kiện khác**
* *Không có*
  + 1. **Các yêu cầu đặc biệt**
* *Không có*
  + 1. **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case**
* *Không bị ảnh hưởng*
  + 1. **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case**
* *Hệ thống sẽ lưu dữ liệu của rạp chiếu phim nếu trong quá trình thực hiện không xảy ra lỗi.*
  + 1. **Điểm mở rộng**
* *Không có*